

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày: 02-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân
2. Ông Mai Văn To

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Trên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Thành A, tên gọi khác: không, sinh năm 1968 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Chạy xe ba gác; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1934 (chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1935; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị H; có 02 con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2019 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Minh T, sinh năm 1975

ĐKTT: Ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

2. Nguyễn Chấn T1, sinh năm 1997

ĐKTT: Số 430/56 N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

ĐKTT: Số 430/56 N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Trương Thị Ngọc A1, sinh năm 1963

ĐKTT: Số 58 đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968

ĐKTT: Số 430/56 N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng*: Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1956

ĐKTT: Ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 04/10/2019 tại nhà ông Nguyễn Minh T ở ấp 5, xã M, huyện B xảy ra vụ mất trộm tài sản gồm: 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 và 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726. Nhận được tin báo, Công an xã M, huyện B đến hiện trường kiểm tra, xác minh truy tìm thì phát hiện 02 xe mô tô loại 03 bánh bị mất trộm nêu trên đang đậu trong sân nhà của Lưu Thành A ở ấp 1, xã M, huyện B nên mời A về trụ sở Công an xã M làm việc. Qua điều tra Lưu Thành A đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 04/10/2019, Lưu Thành A đang ngủ tại nhà thì có một thanh niên tên Út (không rõ họ tên và địa chỉ) gọi điện thoại đến A kêu bán cho A 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 với giá 15.000.000đ. A đồng ý mua và hẹn ra đầu hẻm nhà giao tiền cho Út rồi A lấy xe mô tô loại 03 bánh trên chạy về nhà A ở ấp 1, xã M, huyện B cất giữ rồi đi ngủ. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày có một thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) gọi điện thoại đến A kêu bán 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726 và hẹn A đến gần cây xăng T tại QL1A, ấp 1, xã M, huyện B với giá 15.000.000đ. A đồng ý giao tiền rồi điều khiển xe chạy về nhà thì bị Lực lượng Công an xã M, huyện B tuần tra phát hiện mời làm việc lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Qua điều tra A biết 02 xe mô tô loại 03 bánh trên không rõ nguồn gốc và không có giấy tờ hợp lệ, các xe trên là do người khác phạm tội mà có nhưng A vẫn mua đem về sửa chữa để bán lại kiếm lời.

Ngoài ra, A còn khai nhận khoảng tháng 8/2019, A đến chợ đầu mối B thuộc huyện B, TP. HCM mua 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61U1-0602 của thanh niên tên Q (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 7.000.000đ và mua 01 xe mô tô loại 03 bánh (không biển số) của thanh niên tên Th (không rõ họ tên và

địa chỉ) với giá 6.500.000đ đem về nhà làm phương tiện chở hàng hoá thì bị Công an xã xã M, huyện B kiểm tra thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐG ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726 trị giá 9.500.000đ; 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 trị giá 11.600.000đ. Tổng trị giá tài sản 21.100.000đ.

Tại cáo trạng số 59/CT-VKSBL ngày 20-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Lưu Thành A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Lưu Thành A hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Lưu Thành A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lưu Thành A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lưu Thành A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726; 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 của ông Nguyễn Minh T; Qua điều tra xác minh 02 xe mô tô loại 03 bánh trên là xe không rõ nguồn gốc và không có giấy tờ hợp lệ nên đề nghị giao cho cơ quan công an huyện B xử lý theo quy định của pháp luật.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ).

- 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61U1-0602 và 01 xe mô tô loại 03 bánh (không có biển số) Lưu Thành A đến chợ đầu mối B thuộc phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh mua lại nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ của người bán, hiện cơ quan CSĐT công an huyện B có công văn số 219/CQĐT ngày 18/3/2020 chuyển nguồn tin tội phạm đến cơ quan CSĐT công an quận 8, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

- 01 xe mô tô loại xe Exter nhãn hiệu Yamaha biển số 59X1-713.90 do anh Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu, anh H cho Nguyễn Chấn T1 (là con ruột của Lưu Thành A) mượn chạy về nhà A chơi thì bị Công an xã M, huyện B kiểm tra thu giữ và 01 xe mô tô loại xe ENOY nhãn hiệu SYM biển số 59C1-788.65 do chị Trương Thị Ngọc A1 đứng tên chủ sở hữu, chị A1 bán lại cho Lưu Thành A để sử dụng thì bị Công an xã M, huyện B kiểm tra thu giữ. Qua điều tra xác minh 02 xe mô tô trên không liên quan đến việc phạm tội, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát

từ lòng tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, nên vào khoảng thời gian từ 02 giờ đến 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2019, Lưu Thành A đang ở tại nhà thì có thanh niên tên Út (không rõ họ tên và địa chỉ) và một thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) gọi điện thoại đến A kêu bán cho A 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 trị giá 11.600.000đ và 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726 trị giá 9.500.000đ, tổng trị giá tài sản là 21.100.000đ. Qua điều tra, A biết 02 xe mô tô loại 03 bánh trên không rõ nguồn gốc, không có giấy tờ hợp lệ và xe do người khác phạm tội mà có nhưng A vẫn mua đem về sửa chữa để bán lại kiếm lời. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Lưu Thành A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, bị cáo nhận biết rõ tài sản là do người khác trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ, tạo động lực thúc đẩy các loại tội phạm khác thực hiện trót lọt, thể hiện sự tiếp tay và xem thường pháp luật, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Riêng đối với Nguyễn Thị H1, theo lời khai tại phiên tòa chị H1 xác định chị là vợ của bị cáo A. Việc bị cáo sửa chữa xe, mua bán kiếm lời chị hoàn toàn không biết, chị có thấy A có mua xe về sửa chữa lại bán kiếm lời, số tiền A mua xe là của riêng A, chị hoàn toàn không biết và A cũng không có bàn bạc gì với chị về việc mua xe gian. Bị cáo A xác định lời trình bày của chị H1 là đúng, chị H1 hoàn toàn không biết việc bị cáo mua xe gian về sửa chữa bán kiếm lời, chỉ biết bị cáo có sửa chữa xe vậy thôi, tiền bạc do bị cáo quyết định, chị H1 không biết gì, do đó không đủ cơ sở để xử lý đối với H1.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726; 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61L7-5391 của ông Nguyễn Minh T; Qua điều tra xác minh 02 xe mô tô loại 03 bánh trên là xe không rõ nguồn gốc và không có giấy tờ hợp lệ nên nên giao cho cơ quan công an huyện B xử lý theo quy định của pháp luật.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ).

- 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 61U1-0602 và 01 xe mô tô loại 03 bánh (không có biển số) Lưu Thành A đến chợ đầu mối B thuộc phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh mua lại nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ của người bán, hiện cơ quan CSĐT công an huyện B có công văn số 219/CQĐT ngày 18/3/2020 chuyển nguồn tin tội phạm đến cơ quan CSĐT công an quận 8, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

- 01 xe mô tô loại xe Exter nhãn hiệu Yamaha biển số 59X1-713.90 do anh Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu, anh H cho Nguyễn Chấn T1 (là con ruột của Lưu Thành A) mượn chạy về nhà A chơi thì bị Công an xã M, huyện B kiểm tra thu giữ và 01 xe mô tô loại xe ENOY nhãn hiệu SYM biển số 59C1-788.65 do chị Trương Thị Ngọc A1 đứng tên chủ sở hữu, chị A1 bán lại cho Lưu Thành A để sử dụng thì bị Công an xã M, huyện B kiểm tra thu giữ. Qua điều tra xác minh 02 xe mô tô trên không liên quan đến việc phạm tội, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp không xét đến.

[6] Về án phí: Bị cáo Lưu Thành A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lưu Thành A phạm tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lưu Thành A 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30-12-2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lưu Thành A trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 02-7-2020 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Giao cho cơ quan công an huyện Bến Lức 01 xe mô tô loại 03 bánh biển số 54Y5-1726 số máy 0117090-08E, số khung 182845-07F; 01 xe mô tô loại 03

bánh biền số 61L7-5391 số máy VZS150FMG029452, số khung RNGKCG1NG81011452 để xử lý theo quy định của pháp luật.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lưu Thành A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hùng Cường